

KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG HOA ĐỒNG TIỀN TẠI MIỀN TRUNG, VIỆT NAM

Đặng Văn Đông¹, Mai Thị Ngoan¹

TÓM TẮT

Hoa đồng tiền (*Gerbera*) là một trong 10 loài hoa được sử dụng nhiều nhất trên thế giới, với đặc điểm là cây lưu niên có hoa quanh năm và màu sắc đa dạng. Từ năm 2011 Viện Nghiên cứu Rau quả đã nghiên cứu và tuyển chọn được 2 giống hoa đồng tiền G12 và G19 sinh trưởng phát triển khỏe, có khả năng chịu nhiệt, phù hợp với điều kiện sinh thái các tỉnh miền Trung. (Sau trồng 3 tháng cây bắt đầu cho thu hoạch hoa. Chiều dài cành hoa > 60 cm, tỷ lệ cây hoa hữu hiệu >90%). 2 giống hoa đồng tiền này có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, hoa bền, đẹp, hình thái và kiểu dáng hoa cân đối, được người tiêu dùng ưa chuộng.

Từ khóa: Hoa đồng tiền, G12, G19, sinh trưởng, phát triển, miền Trung.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, những giống đồng tiền từ Hà Lan, Trung Quốc được nhập về trồng tại Việt Nam, kết quả cho thấy nhiều giống đã phát huy những ưu điểm nổi trội nhưng cũng có một số giống không phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam, do vậy năng suất, chất lượng hoa kém gây thiệt hại cho người sản xuất. Mặt khác, điều kiện khí hậu Việt Nam ở mỗi vùng lại khác nhau nên việc chọn tạo giống cây trồng, đặc biệt là giống có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất chất lượng hoa cao, phù hợp với từng vùng là rất cần thiết. Xuất phát từ yêu cầu thực tế trên, từ năm

2011 chúng tôi đã tiến hành “Nghiên cứu tuyển chọn, khảo nghiệm giống hoa đồng tiền tại miền Trung Việt Nam”.

2. VẬT LIỆU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Vật liệu bao gồm 20 giống hoa đồng tiền có nguồn gốc Hà Lan, bao gồm 10 giống nhập nội từ Trung Quốc, 10 giống thu thập tại Việt Nam. Tiêu chuẩn cây giống: Là cây nuôi cấy mô, có 4-5 lá, chiều cao cây 12-15 cm.

Bảng 1. Danh sách các giống hoa đồng tiền được chọn làm vật liệu nghiên cứu

STT	Tên giống	Ký hiệu	Nơi thu thập	STT	Tên giống	Ký hiệu	Nơi thu thập
1	T13	G1	Trung Quốc	11	Q058	G6	Tây Tựu - Hà Nội
2	R043	G2	Trung Quốc	12	G12	G7	Tây Tựu - Hà Nội
3	GP0616	G3	Trung Quốc	13	R04590	G8	Mê Linh - Hà Nội
4	P0610	G4	Trung Quốc	14	YR2	G9	Mê Linh - Hà Nội
5	YR2-4	G5	Trung Quốc	15	GX023	G13	Đông Sơn - Thanh Hóa
6	OR069	G10	Trung Quốc	16	P0623	G14	Phú Mậu - Huế
7	P067	G11	Trung Quốc	17	R1	G15	Gio Linh - Quảng Bình
8	GR064	G12	Trung Quốc	18	P053	G16	An Khê - Gia Lai
9	GP061	G18	Trung Quốc	19	G00610	G17	Phú Mậu - Huế
10	P0631	G19	Trung Quốc	20	G20	G20	Phú Mậu - Huế

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ những khảo nghiệm cơ bản đến việc triển khai thử nghiệm ngoài sản xuất theo các bước sau:

- Bước 1: Tiến hành vào năm 2011 đánh giá tập đoàn các giống hoa đồng tiền tại Quy Nhơn - Bình Định để tuyển chọn các giống hoa đồng tiền có triển vọng. Quy mô khảo nghiệm là 1.500 m².

- Bước 2: Khảo nghiệm cơ bản các giống hoa đồng tiền có triển vọng tại 3 địa điểm là Nghệ An, Huế và Bình Định. Các khảo nghiệm được triển khai vào năm 2012, 2013 quy mô mỗi địa điểm khảo nghiệm là 3.000 m².

- Bước 3: Tiến hành vào năm 2013, khảo nghiệm sản xuất các giống hoa đồng tiền có ưu điểm tốt đã được kết luận từ các bước trên tại

¹Viện Nghiên cứu Rau quả

Nghệ An, Huế và Bình Định. Quy mô khảo nghiệm tại mỗi địa điểm là 2 ha.

Theo dõi các chỉ tiêu ngoài đồng ruộng: đánh dấu ngẫu nhiên 20 cây/1 ô thí nghiệm đối với khảo nghiệm cơ bản, 20 cây/giống đối với khảo nghiệm sản xuất, định kỳ theo dõi 10 ngày/lần. Đánh dấu cây theo dõi theo phương pháp đường chéo góc 5 điểm trên thí nghiệm đồng ruộng (Nguyễn Thị Lan, Phạm Tiến Dũng, 2005). Các chỉ tiêu sâu bệnh theo QCVN 01-38: 2010/BNNPTNT.

Các chỉ tiêu theo dõi, đo đếm và phân tích bao gồm: các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển như tỷ lệ hồi xanh, tỷ lệ sống sau trồng, chiều dài cành, số lá, số nhánh, mức độ sâu bệnh...; các chỉ tiêu chất lượng hoa như số hoa/cây, đường kính cành, đường kính hoa, độ bền hoa... Xử lý số liệu bằng chương trình IRRISTAT 5.0.

Kỹ thuật áp dụng: thời vụ trồng vào tháng 9,

Bảng 2. Tỷ lệ sống và thời gian hồi xanh, động thái tăng trưởng số lá, số nhánh của các giống hoa đồng tiền trồng tại Quy Nhơn -Bình Định – Tháng 9-2011

Tên giống	Thời gian hồi xanh sau trồng (ngày)	Tỷ lệ cây sống sau trồng 10 ngày (%)	Thời gian theo dõi sau trồng							
			40 ngày		60 ngày		80 ngày		120 ngày	
			Số lá/cây (lá)	Số nhánh (nhánh)	Số lá/cây (lá)	Số nhánh (nhánh)	Số lá/cây (lá)	Số nhánh (nhánh)	Số lá/cây (lá)	Số nhánh (nhánh)
G1	7	95	3,6	-	6,3	1	10,9	1,3	19,0	1,5
G2	6	93	3,7	-	6,3	1	11,6	1,3	18,6	1,8
G3	6	95	3,5	-	6,5	-	10,8	1,3	17,4	1,8
G4	7	91	3,5	-	7,1	-	11,8	1,0	16,6	1,8
G5	6	92	3,6	-	6,2	-	10,2	1,0	16,4	1,7
G6	7	90	3,5	-	6,6	-	11,6	1,3	18,0	1,8
G7	6	92	3,7	-	6,9	-	10,5	1,0	17,6	1,9
G8	6	90	3,6	-	7,0	-	12,3	1,0	18,5	1,8
G9	7	93	3,7	-	6,9	-	12,5	1,0	18,5	1,9
G10	7	91	3,6	-	6,2	-	10,2	1,0	16,4	1,7
G11	7	92	3,7	-	6,8	-	11,6	1,3	18,6	1,8
G12	6	92	3,8	-	7,3	1	12,8	1,3	19,4	2,0
G13	6	90	3,5	-	7,0	-	10,8	1,0	16,5	1,8
G14	7	91	3,8	-	7,3	-	12,2	1,3	15,4	1,6
G15	7	90	3,6	-	6,2	-	10,2	1,0	16,4	1,7
G16	7	90	3,8	-	6,3	1	11,6	1,3	18,6	1,8
G17	6	92	3,7	-	6,9	-	12,5	1,0	18,5	1,9
G18	6	93	3,5	-	7,0	-	10,8	1,0	17,5	1,9

kỹ thuật trồng và chăm sóc áp dụng quy trình kỹ thuật trồng hoa đồng tiền của Viện Nghiên cứu Rau quả.

Giống đối chứng sử dụng trong các khảo nghiệm là giống G20 (ĐC), giống được trồng phổ biến tại các tỉnh miền Trung, có những đặc điểm sau: Chiều dài cành 55 – 57 cm, đường kính hoa 10,5-11,2 cm, hoa kép, màu đỏ, nhí xanh.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả đánh giá tập đoàn giống hoa đồng tiền

3.1.1. Khả năng sinh trưởng của các giống hoa đồng tiền

Kết quả đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển của các giống hoa đồng tiền phản ánh đặc điểm của giống và khả năng thích nghi của giống đó với điều kiện môi trường tại nơi trồng. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

G19	6	94	3,6	-	7,2	-	11,2	1,0	19,5	2,3
G20	6	93	3,5	-	7,1	-	12,2	1,0	18,5	1,9
CV(%)									5,5	5,7
LSD (0,05)									1,75	0,28

Kết quả ở bảng 2 cho thấy: thời gian hồi xanh của các giống là rất sớm, biến động 6 - 7 ngày. Tỷ lệ cây sống sau trồng tương đối cao, dao động 90 - 95%.

Về khả năng tăng trưởng số lá và số nhánh: Giai đoạn đầu do cây có số lượng lá và nhánh ít nên chỉ tiêu này không có sự khác nhau rõ rệt giữa các giống, nhưng sau trồng 120 ngày đã có sự khác nhau đáng kể. Giống có số lá và số nhánh nhiều nhất là giống G19 (đạt 19,4 lá và 2,3 nhánh), G12 (đạt trung bình 19,5 lá/cây và 2,0 nhánh/cây), tiếp sau là các giống G9, G17, G18... và thấp nhất là giống G1,

G14.

3.1.2. Mức độ bị bệnh hại của các giống hoa đồng tiền

Khả năng chống chịu sâu, bệnh của các giống hoa đồng tiền là một chỉ tiêu rất quan trọng trong công tác tuyển chọn giống. Các giống có khả năng chống chịu sâu, bệnh hại tốt sẽ tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển thuận lợi; năng suất cao, chất lượng tốt. Tiến hành theo dõi một số loại sâu, bệnh chính có tính chất gây hại nguy hiểm, kết quả được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Mức độ nhiễm một số loại sâu, bệnh hại chính của các giống hoa đồng tiền trồng tại Quy Nhơn - Bình Định. Tháng 9- 2011

Tên giống	Nện đỏ (Tetranychus cinnabarinus)	Sâu vẽ bùa (Phyllocoistic citrella)	Bệnh phấn trắng (Erysiphe cichoracearum)	Bệnh đốm lá (Cercospora sp.)
G1	2	1	2	1
G2	2	1	3	2
G3	2	1	3	2
G4	2	1	2	1
G5	2	2	1	1
G6	3	2	2	1
G7	2	1	2	1
G8	2	1	2	2
G9	2	1	2	1
G10	3	2	1	1
G11	2	2	1	1
G12	2	2	2	1
G13	3	1	1	2
G14	2	1	2	1
G15	2	2	1	3
G16	2	2	2	1
G17	2	1	2	1
G18	1	1	2	2
G19	2	1	2	1
G20	2	1	2	1

Ghi chú:

* Đối với bệnh hại: tính theo cấp bệnh từ 1 đến 9.

Cấp 0: không bị bệnh;

Cấp 1: < 1% diện tích lá;

Cấp 5: >5 – 25% diện tích lá;

Cấp 7: 25 – 50% diện tích lá;

Cấp 3: 1 – 5% diện tích lá;

Cấp 9: >50% diện tích lá.

* Đối với sâu hại: tính theo cấp bệnh từ 1 đến 3.

Cấp 1 : Nhẹ (xuất hiện rái rác);

Cấp 2 : Trung bình (Phân bố dưới 1/3 số cây);

Cấp 3 : Nặng (Phân bố trên 1/3 số cây).

Kết quả ở bảng trên cho thấy:

Loài nhện hại nguy hiểm nhất đối với cây hoa đồng tiền là nhện đỏ. Kết quả theo dõi cho thấy giống G6, G10, G13 biểu hiện ở mức độ hại nặng, còn lại các giống khác ở mức độ hại từ nhẹ đến trung bình. Ngoài ra các giống cũng bị sâu vè bùa nhưng mức độ gây hại nhẹ và trung bình không làm ảnh hưởng nhiều đến sinh trưởng, phát triển của các giống đồng tiền.

Hầu hết các giống đều nhiễm bệnh phấn trắng

nhưng ở mức nhẹ và trung bình, riêng chỉ có giống G2, G3 bị bệnh gây hại ở mức nặng. Đối với bệnh đốm lá có giống G15 là bị bệnh nặng nhất, các giống còn lại bị bệnh ở mức độ nhẹ.

3.1.3. Năng suất, chất lượng hoa của các giống hoa đồng tiền

Năng suất, chất lượng hoa là một trong những yếu tố quyết định hiệu quả kinh tế của từng giống. Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Các yếu tố cấu thành năng suất, chất lượng của các giống hoa đồng tiền trồng tại

Quy Nhơn - Bình Định. Tháng 9- 2011

Tên giống	Tỷ lệ hoa hữu hiệu (%)	Số hoa/cây (hoa)	Chiều dài cành hoa (cm)	ĐK cành hoa (cm)	ĐK hoa nở (cm)	Độ bền hoa cắt (ngày)	Màu sắc hoa đưa vào làm vật liệu nghiên cứu
G1	89,6	377	48,9	0,74	9,5	5	Sen hồng
G2	90,3	433	52,6	0,76	10,6	6	Sen hồng đậm
G3	91,2	438	56,9	0,82	10,1	6	Vàng chanh
G4	89,7	384	52,2	0,86	9,3	5	Tím
G5	91,2	441	54,3	0,78	10,2	7	Vàng viền
G6	89,7	377	48,9	0,74	9,5	5	Tím đỏ
G7	90,3	433	57,6	0,82	11,6	6	Cà rốt
G8	88,5	425	56,9	0,87	10,1	6	Đỏ nhung
G9	85,4	366	52,2	0,86	9,3	5	Vàng nghệ
G10	82,7	399	57,3	0,84	11,2	7	Cam viền
G11	88,7	373	48,9	0,74	9,5	5	Cam chanh
G12	97,2	470	60,8	0,94	12,2	7	Đỏ tươi
G13	83,4	400	56,9	0,90	10,1	6	Gạch non
G14	88,2	378	52,2	0,86	9,3	5	Phấn hồng nhạt
G15	81,3	390	54,6	0,79	11,6	6	Phấn hồng
G16	82,4	347	48,9	0,74	9,5	5	Phấn hồng nhạt
G17	83,6	401	54,6	0,68	11,6	6	Vàng cam
G18	81,4	349	50,7	0,78	9,7	6	Phấn hồng nhạt
G19	97,2	470	60,3	0,94	12,8	7	Vàng tươi
G20	82,7	399	57,3	0,84	11,2	7	Đỏ

CV(%)			5,4	5,6	4,8		
LSD0,05			5,2	0,087	0,87		

Kết quả ở bảng 4 cho thấy: Tỷ lệ hoa hữu hiệu của giống hoa đồng tiền G12 và G19 đạt cao nhất (97,2%), trong khi các giống khác dao động 81-91%. Chất lượng hoa của các giống khác nhau cũng khác nhau thể hiện ở chiều dài cành hoa, đường kính cành và đường kính hoa, độ bền hoa cắt. Giống có chất lượng hoa cao nhất là G19 và G12.

* Kết quả đánh giá tập đoàn 20 giống hoa đồng tiền cho thấy, 2 giống có triển vọng nhất là giống G12 (hoa màu đỏ tươi, nhị đen), giống G19 (hoa màu vàng tươi, nhị nâu đậm) đạt được yêu cầu đề đưa vào khảo nghiệm ở các tỉnh miền Trung Việt Nam, do cây sinh trưởng, phát triển

khỏe; năng suất, chất lượng hoa cao; màu sắc hoa đẹp, được người tiêu dùng ưa chuộng và có khả năng chống chịu tốt với một số loại sâu, bệnh hại, thích ứng với khí hậu nắng nóng tại Bình Định

3.2. Kết quả khảo nghiệm cơ bản.

Từ kết quả đánh giá tập đoàn ở giai đoạn trước, 2 giống đồng tiền có khả năng sinh trưởng, phát triển phù hợp với điều kiện sinh thái miền Trung, bao gồm G12, G19. Trong tháng 9/2012 và 9/2013, các giống này tiếp tục được trồng khảo nghiệm cơ bản tại các địa phương Nghệ An, Huế và Bình Định. Kết quả thu được được trình bày ở bảng dưới đây.

Bảng 5. Khả năng sinh trưởng và mức độ nhiễm sâu bệnh của các giống đồng tiền trồng tại một số tỉnh miền Trung, năm 2012 và 2013

Tên giống/Địa diểm	Tỷ lệ cây sống sau trồng 10 ngày (%)		Số lá/cây sau 120 ngày trồng (lá)		Số nhánh/cây sau 120 ngày trồng (nhánh)	
	2012	2013	2012	2013	2012	2013
Bình Định						
G12	95	95	19,6	20,5	2,2	2,4
G19	93	94	19,2	20,3	2,3	2,0
G20 (ĐC)	92	93	17,9	17,0	1,8	1,6
CV(%)			5,1	5,2	5,6	5,6
LSD0,05			1,82	1,91	0,29	0,28
TT Huế						
G12	96	94	20,0	19,4	2,0	2,2
G19	95	96	19,7	19,7	2,2	2,2
G20 (ĐC)	93	94	17,4	17,2	1,7	1,7
CV(%)			5,0	5,3	5,7	5,5
LSD0,05			1,81	1,82	0,28	0,29
Nghệ An						
G12	94	95	20,6	22,2	2,0	2,2
G19	93	95	20,4	21,2	2,0	2,0
G20 (ĐC)	91	92	17,2	18,3	1,4	1,6
CV(%)			5,1	5,1	5,5	5,7
LSD0,05			1,83	1,85	0,30	0,27

Trồng hoa đồng tiền tại các vùng sinh thái khác nhau cho thấy tỷ lệ sống sau trồng đạt khá cao, dao động 93-96% và đều cao hơn giống đối chứng. Sau trồng 120 ngày, số lá/cây của các giống G12, G19 đều đạt trên 19 lá/cây, cao hơn giống đối chứng; số nhánh của giống G12, G19 dao động 2,0-

2,4 nhánh/cây, cao hơn so với giống đối chứng (1,4-1,8 nhánh/cây). Như vậy giống G12, G19 là 2 giống có khả năng sinh trưởng, phát triển khỏe, mức độ đẻ nhánh cao.

Theo dõi chất lượng hoa là một trong những chỉ tiêu rất quan trọng được trình bày ở bảng 6.

Bảng 6. Chất lượng hoa của các giống đồng tiền trồng tại một số tỉnh miền Trung, năm 2012 và 2013. Thu hoạch sau 4 tháng trồng

Tên giống/ Địa điểm	Chiều dài cành hoa (cm)		Đường kính cành (cm)		Đường kính hoa (cm)		Độ bền hoa cắt (ngày)	
	2012	2013	2012	2013	2012	2013	2012	2013
Bình Định								
G12	58,0	57,0	1,03	1,20	12,4	12,4	7	7
G19	57,5	57,5	0,92	0,96	11,8	11,6	7	7
G20 (ĐC)	49,7	50,0	0,90	0,90	11,2	11,2	6	7
CV(%)	5,3	5,1	0,55	0,56	4,7	4,8		
LSD0,05	5,2	5,3	0,0085	0,090	0,86	0,87		
TT Huế								
G12	52,8	54,0	1,00	1,20	12,6	12,3	7	7
G19	58,6	58,6	0,92	0,92	11,5	11,8	7	7
G20 (ĐC)	46,4	47,2	0,90	0,90	11,2	10,2	7	6
CV(%)	5,4	5,2	0,54	0,57	4,6	4,7		
LSD0,05	5,1	5,4	0,0086	0,089	0,85	0,86		
Nghệ An								
G12	59,0	59,0	1,00	1,00	13,8	13,8	6	7
G19	55,5	56,8	0,90	0,90	11,8	11,8	6	7
G20 (ĐC)	48,2	48,2	0,90	0,90	12,0	12,0	6	6
CV(%)	5,2	5,2	0,54	0,55	4,8	4,9		
LSD0,05	5,0	4,5	0,0088	0,091	0,88	0,89		

Kết quả ở bảng 6 cho thấy tại cả 3 địa điểm (0,90-0,96 cm). Đường kính hoa của giống G12 chiềudài cành hoa của 2 giống G12, G19 (52,8- (12,3-13,8 cm) lớn hơn 2 giống còn lại là G19 và 59,0 cm) cao hơn giống đối chứng (46,4-50,0 cm), đối chứng (11,2-12,0 cm). Độ bền hoa cắt của các đường kính cành hoa giống G12 (1,0-1,20 cm) cao giống đều ở mức độ cao, dao động 6-7 ngày. nhất, tiếp đến giống G19 và giống đối chứng

Bảng 7. Mức độ nhiễm một số loại sâu, bệnh hại chính trên các giống hoa đồng tiền trồng tại một số tỉnh miền Trung, năm 2012 và 2013

Tên giống/Địa điểm	Nhện đỏ (Tetranychus cinnabarinus)		Sâu vè bùa (Phyllocoptic citrella)		Bệnh phấn trắng (Erysiphe cichoracearum)		Bệnh đốm lá (Cercospora sp.)	
	2012	2013	2012	2013	2012	2013	2012	2013
Bình Định								
G12	2	2	2	2	2	1	1	2
G19	2	1	1	2	2	2	1	1
G20 (ĐC)	2	2	1	2	2	2	1	2
TT Huế								
G12	1	1	2	2	2	1	2	2
G19	2	1	1	2	2	2	1	2
G20 (ĐC)	2	1	2	2	2	2	1	2
Nghệ An								
G12	1	2	2	2	1	2	2	2
G19	1	1	2	2	2	1	1	2
G20 (ĐC)	1	2	2	2	2	2	1	2

Khảo nghiệm cơ bản các giống hoa đồng tiền có triển vọng tại một số tỉnh miền Trung cho thấy hầu như đều bị nhiễm sâu bệnh hại nhưng chỉ ở mức độ nhẹ đến trung bình vì vậy không làm ảnh hưởng đến chất lượng hoa.

* Nhận xét chung về kết quả khảo nghiệm cơ bản: Khảo nghiệm cơ bản 2 giống hoa đồng tiền G12, G19 tại Bình Định, Thừa Thiên Huế và Nghệ An cho thấy mặc dù điều kiện thời tiết nắng, nóng nhưng cả 2 giống đều sinh trưởng, phát triển khỏe, hoa đẹp, cho năng suất, sản lượng cao, chứng tỏ chúng có khả năng thích ứng với điều

kiện sinh thái miền Trung

3.3. Kết quả khảo nghiệm sản xuất các giống hoa đồng tiền triển vọng

Kết quả khảo nghiệm cơ bản tháng 9/2013 cho thấy, 2 giống hoa đồng tiền có khả năng sinh trưởng, phát triển phù hợp với điều kiện sinh thái miền Trung bao gồm G12 và G19. Chúng tôi tiếp tục đưa các giống này trồng khảo nghiệm sản xuất tại các địa phương. Kết quả khảo nghiệm sản xuất năm 2013 tại Vinh - Nghệ An, Phú Vang – Thừa Thiên-Huế và Tuy Phước - Bình Định được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 8. Năng suất, chất lượng hoa của các giống hoa đồng tiền trồng tại một số tỉnh miền Trung, năm 2013

Địa điểm	Tên giống	Tỷ lệ sống sau trồng 10 ngày (%)	Chiều dài cành hoa (cm)	Đường kính cành (cm)	Đường kính hoa (cm)	Độ bền hoa cắt (ngày)
Bình Định	G12	94,0	62,2	0,98	12,6	7
	G19	94,5	59,6	0,90	12,4	7
	G20 (đ/c)	92,0	58,5	0,90	11,8	7
	CV(%)		5,6	0,58	4,9	
	LSD0,05		5,4	0,0079	0,88	
Thừa Thiên-Huế	G12	93,0	63,5	0,96	11,8	7
	G19	93,1	60,3	0,91	12,2	7
	G20 (đ/c)	91,0	58,5	0,89	11,5	7
	CV(%)		5,7	0,59	4,8	
	LSD0,05		5,6	0,0078	0,89	
Nghệ An	G12	95,0	62,4	0,96	12,4	7
	G19	93,6	61,5	0,93	11,8	7
	G20 (đ/c)	93,0	60,0	0,90	11,2	6
	CV(%)		5,5	0,57	4,7	
	LSD0,05		5,5	0,0080	0,87	

Kết quả khảo nghiệm 2 giống hoa đồng tiền G12 và G19 tại các địa phương cho thấy chúng đều có khả năng sinh trưởng, phát triển khỏe, tỷ lệ sống sau trồng tại 3 địa phương (93-94,5%) đều cao hơn giống đối chứng (91-93%). Các chỉ tiêu

về chất lượng hoa và năng suất hoa của 2 giống này cũng cao hơn giống đối chứng, đều thích ứng với điều kiện khí hậu ở miền Trung; kết quả này cũng trùng với kết quả khảo nghiệm ban đầu ở các địa điểm.

Bảng 9. Mức độ nhiễm một số loại sâu, bệnh hại chính trên các giống hoa đồng tiền trồng tại một số tỉnh miền Trung, năm 2013

Tên giống/Địa điểm	Nện đỏ (Tetranychus cinnabarinus)	Sâu vẽ bùa (Phyllocoptic citrella)	Bệnh phấn trắng (Erysiphe cichoracearum)	Bệnh đốm lá (Cercospora sp.)
Bình Định				
G12	2	2	1	2
G19	2	1	2	2

G20 (đ/c)	2	2	2	2
Thừa Thiên Huế				
G12	1	2	2	2
G19	2	1	2	1
G20 (đ/c)	1	2	2	2
Nghệ An				
G12	2	2	2	2
G19	2	2	2	2
G20 (đ/c)	1	2	2	1

Kết quả ở bảng 9 về bệnh hại các giống hoa đồng tiền có triển vọng khi trồng diện rộng ngoài sản xuất tại 3 địa điểm cho thấy cả 2 giống G12, G19 và giống đối chứng đều bị nhiễm sâu bệnh nhưng không nặng, đều ở mức độ nhẹ và trung bình. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả

nghiên cứu ở các năm trước tại vùng trồng tương tự.

Để đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất hoa đồng tiền ở miền Trung đã tiến hành tính toán một số chỉ tiêu tổng thu, tổng chi và lãi thuần. Kết quả thu được được trình bày ở bảng 10.

Bảng 10. Hiệu quả kinh tế của các giống hoa đồng tiền trồng tại một số tỉnh miền Trung năm 2013 (Tính cho 1.000 m², mật độ 6 cây/m²)

Địa điểm	Tên giống	Tỷ lệ cây hoa thu được (%)	Số cây thực thu (cành)	Đơn giá (1.000 đ/cành)	Tổng thu (1.000 đ)	Tổng chi (1.000 đ)	Lãi thuần (1.000 đ)	Hiệu quả so với đối chứng (lần)
Bình Định	G12	97,6	58.560	1	58.560	29.600	28.960	0,98
	G19	97,1	58.260	1	58.260	29.600	28.660	0,97
	G20 (đ/c)	82,5	49.500	1	49.500	29.600	19.900	0,67
Thừa Thiên-Huế	G12	97,4	58.440	1	58.440	29.600	28.840	0,97
	G19	97,2	58.320	1	58.320	29.600	28.720	0,97
	G20 (đ/c)	83,1	49.860	1	49.860	29.600	20.260	0,68
Nghệ An	G12	97,3	58.380	1	58.380	29.600	28.780	0,97
	G19	97,4	58.440	1	58.440	29.600	28.840	0,97
	G20 (đ/c)	82,8	49.680	1	49.680	29.600	20.080	0,68

Kết quả ở bảng 10 cho thấy, so với giống đối chứng hiệu quả kinh tế của 2 giống G12 và G19 đều cao hơn rõ rệt, lãi thuần thu được đạt 0,97 - 0,98 lần so với giống đối chứng. Hiệu quả này chênh lệch không nhiều khi trồng ở các địa phương khác nhau trong điều kiện khí hậu miền Trung.

trưởng, phát triển tốt, năng suất và chất lượng hoa cao.

Khi đưa 2 giống có triển vọng vào khảo nghiệm cơ bản và khảo nghiệm sản xuất cho thấy 2 giống G12 và G19 có khả năng thích nghi tốt với điều kiện thời tiết khí hậu miền Trung, sinh trưởng, phát triển tốt, ít bị sâu bệnh, năng suất, chất lượng và độ bền hoa cao hơn so với giống đối chứng. Hiệu quả kinh tế cao hơn đối chứng 0,97 - 0,98 lần và ổn định tại các vùng trồng do chất lượng hoa đáp ứng được yêu cầu của người sản xuất và người tiêu dùng.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Trong thí nghiệm tập đoàn các giống hoa đồng tiền trồng tại một số tỉnh miền Trung đã chọn lọc được 2 giống là G12 và G19 có khả năng sinh

Những kết quả nghiên cứu trên đã được Hội đồng Khoa học và Công nghệ Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận giống hoa đồng tiền G12 và G19 là giống sản xuất thử ở miền Trung Việt Nam vào ngày 24/5/2014.

4.2. Đề nghị

Tiếp tục nghiên cứu một số biện pháp về kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật trồng và chăm sóc... nhằm hoàn thiện quy trình kỹ thuật thảm canh 2 giống đồng tiền G12 và G19, đáp ứng yêu cầu sản xuất hoa cho các tỉnh miền Trung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Đông, Đinh Thế Lộc - *Công nghệ mới trồng hoa cho thu nhập cao- hoa Đồng Tiền* - NXB Lao động Xã hội (2004).

2. Đặng Văn Đông và cs. Báo cáo tổng kết dự án- *Hoàn thiện hệ thống sản xuất giống hoa (lan, hồng môn, đồng tiền, lily, cúc) bằng công nghệ nuôi cấy mô quy mô công nghiệp và phát triển*

vùng sản xuất hoa hàng hoá ở đồng bằng sông Hồng - Báo cáo khoa học Viện Nghiên cứu Rau Quả 6/2009.

3. Bùi Hữu Chung - *Nghiên cứu bệnh phấn trắng do nấm Oidium gerberathium gây hại hoa đồng tiền vụ xuân năm 2009 ở vùng Hà Nội và phụ cận* - Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam- số 4 (13)/2009, tr. 71-77.

4. Nhữ Viết Cường, Nguyễn Thế Quyết, Nguyễn Thanh Nga, Đặng Vũ Thị Thanh, Lê Thị Ánh Hồng, Trần Duy Quý - *Áp dụng và nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật ELISA nhằm chẩn đoán nhanh nhạy, đặc hiệu một số loại bệnh hại trong vườn ươm và vườn sản xuất do nấm Phytophthora cryptogea gây ra trên hoa đồng tiền kép và salem* - Tạp chí NN&PTNT số 7/2006, tr. 30 – 34.

5. Bùi Quang Xuân, Nguyễn Hoà Bình - *Nghiên cứu trồng và quản lý dinh dưỡng cho cây hoa đồng tiền trên hệ thống thủy canh hoàn lưu* - Tạp chí Nông nghiệp và PTNT số 1/2009, tr. 17-20.

RESULT OF SELECTING GERBERA VARIETIES IN CENTRAL VIETNAM

Dang Van Dong, Mai Thi Ngoan

Summary

Gerbera is one of flowers that have been the most consumed in the world. The gerbera's characteristics are perennial plant, flowering all year round, high yields, durable and beautiful flower, diverse colors. In 2011, Fruit and Vegetable Research Institute has evaluated and selected two gerbera varieties G12 and G19 that are healthy growth and development, heat resistance, consistent with Central Viet Nam's ecological conditions. These gerbera varieties have harvesting flowers after planting 3 months, stems length > 60 cm, effective flower rate > 90%. Investment efficiency is higher than control varieties and other varieties when growing in the many regions of Central Viet Nam.

Keywords: Gerbera, G12, G19, growth, development, central, region.

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Lý

Ngày nhận bài: 14/11/2014

Ngày thông qua phản biện: 15/12/2014

Ngày duyệt đăng: 22/12/2014